

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HC-PT

Ngày 05 - 3 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Bà Lê Thúy Cầu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Đình Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 34 /2019TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2019; về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

- *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1956;

Địa chỉ:, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V: Bà Nguyễn Thị Hạnh N, sinh năm 1975, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn V: Ông Lê Văn A, Luật sư Văn phòng luật sư L, thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi T, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ, chức vụ: Phó chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Tổ 3, khối P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị T: Ông Nguyễn T Q, Luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thùy T1,

3. Anh Nguyễn Tấn H,

4. Chị Nguyễn Thị Thùy H,

5. Anh Nguyễn Quốc H1,

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khối P, xã T, huyện P, Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy T1, anh Nguyễn Tấn H, chị Nguyễn Thị Thùy H và anh Nguyễn Quốc H1: Bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Tổ 3, khối P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2019, có mặt)

6. Bà Hồ Thị T2, địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T2: Bà Nguyễn Thị Hạnh N, sinh năm 1975, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người kháng cáo: bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn V.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số: 32/2019/QĐKN – HC – VC2 ngày 30 tháng 8 năm 2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Từ trước năm 1960, cha ông Nguyễn V là ông Nguyễn T (chết năm 1993) có diện tích khoảng 3.000m² đất để trồng cây và thơm, vỡ ra để làm vườn ở tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vào đầu những năm 1960, vì lý do chiến tranh, cha ông V cho cha chồng bà Huỳnh Thị T là ông Nguyễn Đ một thửa đất khoảng 200m² nằm trong tổng diện tích đất 3.000m² để làm nhà tạm. Tuy nhiên, sau ngày đất nước giải phóng ông Nguyễn Đ và gia đình vẫn tiếp tục ở trên đất này, một thời gian sau thì ông Đ chết, toàn bộ diện tích khoảng 200m² do chồng bà T là ông Nguyễn Tấn H

(đã chết) tiếp tục quản lý, sử dụng và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 cho hộ ông Nguyễn Tấn H.

Trong quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông V vắng mặt nên ông Nguyễn Tấn H đã tự kê khai và dẫn đến Nhà nước cấp nhầm cho hộ ông H với tổng diện tích 1.109m^2 , trong đó diện tích đất của ông H chỉ có 634m^2 , trong số 634m^2 thì có 200m^2 đất được cha ông V tạm cho không có giấy tờ và diện tích còn lại 475m^2 là do gia đình ông H lấn chiếm của gia đình ông V.

Đến năm 1998, ông H đem cây lên trồng trên phần diện tích đất 475m^2 , ông V phát hiện sự việc nên vào ngày 16/7/1998 đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã T. UBND xã T đã ra thông báo giải quyết khiếu nại số 38/TB-UB ngày 14/4/1999 với nội dung: Do sai sót đã cấp nhầm diện tích 475m^2 của ông Nguyễn V vào trong diện tích 1.109m^2 tại thửa 341, tờ bản đồ số 18 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn H. Yêu cầu ông H nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho UBND xã T để làm thủ tục điều chỉnh theo quy định. Ông H không được tự tiện tiếp tục sử dụng diện tích cấp sai nói trên.

Trong suốt 18 năm, mặc dù chưa được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông V và bà T vẫn quản lý, sử dụng trên phần đất được phân chia theo kết quả giải quyết của UBND xã T vào ngày 02/10/1998 (trước khi có thông báo ngày 14/4/1999). Đến năm 2016, ông V ủy quyền cho con gái tiếp tục có đơn khiếu nại để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thực tế quản lý, sử dụng của hai hộ gia đình. UBND huyện P đã giải quyết tại biên bản làm việc ngày 10/6/2016, đến ngày 11/10/2016 thì ban hành Quyết định số 4014/QĐ-UBND về việc công nhận thay đổi ranh giới thửa đất. Tuy nhiên, đến nay khi ông V căn cứ quyết định trên để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích $648,6\text{m}^2$ đã được công nhận thì UBND huyện P ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 để hủy bỏ Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/10/2016.

Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông V. Do đó, ông Nguyễn V yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18 của UBND thị xã T (nay là UBND huyện P) cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H ngày 08/4/1996.

Theo công văn số 220/UBND-TNMT ngày 18/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P và lời trình bày tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P như sau:

Vào năm 1996, trong quá trình lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP, UBND xã T tham mưu đề nghị cấp giấy bị sai sót nên giữa ông Nguyễn V và bà Huỳnh Thị T (vợ ông Nguyễn H đã chết) xảy ra tranh chấp, cụ thể việc cấp sai là: Trong thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.109m² (diện tích đo mới 1.140,4m²) có 02 hộ cùng sử dụng là ông Nguyễn H (chồng bà T) và ông Nguyễn V. Trong đó, ông H sử dụng diện tích theo đo đạc mới là 711,8m² và ông Nguyễn V sử dụng diện tích 428,6m². Tuy nhiên, UBND xã T đã đề nghị cấp toàn bộ thửa đất này cho ông H. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H trồng cây tác động đến thửa đất của ông V nên ông V viết đơn kiến nghị, UBND xã T đã giải quyết và 02 bên tranh chấp đã thống nhất tại biên bản hòa giải thành ngày 02/10/1998, đồng thời UBND xã T đã ban hành Thông báo số 38/TB-UB ngày 14/4/1999 về kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông V và ông H. Tuy nhiên, sau khi có Thông báo số 38/TB-UB ông V và ông H không tiếp tục phối hợp với UBND xã thực hiện các nội dung chỉnh lý lại giấy chứng nhận và quản lý đất theo thông báo, cho đến năm 2016 gia đình ông V mới phát đơn kiện khi đó ông H đã chết.

Về phía UBND huyện P, sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hạnh N đã kiểm tra và lập biên bản hòa giải thành vào ngày 03/8/2016 và biên bản cắm mốc thực địa ngày 04/8/2016 đồng thời căn cứ khoản 5 Điều 202 Luật đất đai, ban hành Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 về việc công nhận thay đổi ranh giới thửa đất.

Ngày 13/12/2016, UBND xã T có Thông báo số 158/TB-UBND cho hộ bà T giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan chức năng điều chỉnh thửa đất số 341 để lập thủ tục cấp mới cho bà Nhân, tuy nhiên bà T không chịu giao giấy. Do pháp luật không quy định rõ về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đối với nhiều thửa đất như trường hợp của bà T và căn cứ các quy định tại Điều 203 Luật đất đai, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP, UBND huyện xét thấy cần ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 để hủy bỏ Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 là phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho ông V khởi kiện bà T ra Tòa.

Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 là đúng quy định pháp luật, việc hủy bỏ Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 là do UBND huyện không có chức năng cưỡng chế thu hồi giấy chứng nhận của bà T để chỉnh lý nhằm tạo điều kiện cấp giấy lại cho ông V mà chỉ có

quyết định của Tòa mới thi hành và thực hiện được nội dung này. Ngoài ra, theo quy định thì UBND huyện P không có thẩm quyền hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 475m² theo nội dung khiếu kiện của ông V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn V trình bày: Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 để hủy bỏ Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 là không đúng, đồng thời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp nhằm diện tích 475m² của hộ ông V qua thửa 341, tờ bản đồ số 18 của hộ ông H làm thiệt hại đến quyền lợi của hộ ông V, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND huyện P và hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18 của hộ ông Nguyễn Tấn H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị T trình bày: Đất thổ cư của hộ ông Nguyễn Tấn H tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.109m² có nguồn gốc là của ông bà để lại, hộ ông H đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn V.

Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số:20/2019/HC-ST, ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định.

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai, Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V về việc hủy Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18 của UBND thị xã T (nay là UBND huyện P) cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H ngày 08/4/1996 để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2019 bà Huỳnh Thị T kháng cáo, ngày 19/8/2019 ông Nguyễn V kháng cáo.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số: 32/2019/QĐKN – HC – VC2 ngày 30 tháng 8 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn V vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn V và kháng nghị của Viện kiểm sát. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của ông Nguyễn V.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà T.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 08/4/1996, UBND thị xã T (nay là UBND huyện P) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn H đối với 13 thửa đất, trong đó có thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18, diện tích đất thổ cư 1.109m², tại xã T, thị xã T, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nay là xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, do giữa hộ ông H và hộ ông V tranh chấp diện tích đất 475m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H nên ông V đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã T, UBND xã T đã thụ lý giải quyết tranh chấp giữa 02 hộ. Sau khi hòa giải thành UBND xã T có Thông báo số 38/TB-UB ngày 14/4/1999 với nội dung: *“Do sai sót trong công tác đo đạc, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu nên thửa đất T341/1109, tờ bản đồ số 18 được giao quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn H trọn thửa với diện tích 1.109m². Thực tế thửa đất đó có một phần diện tích thuộc quyền sử dụng và canh tác của ông Nguyễn V (theo kiểm tra, đo vẽ thực địa có diện tích 475m². Trong hòa giải tranh chấp, ông Nguyễn Tấn H thừa nhận điều này”*. Ngày 03 tháng 8 năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện P tổ chức buổi làm việc có 02 hộ gia đình ông Nguyễn Tấn H và ông Nguyễn V để thống nhất tiếp tục thực hiện theo nội dung biên bản hòa giải do UBND xã T lập ngày 27/11/2016.

Ngày 11 tháng 10 năm 2016 UBND huyện P có ban hành quyết định số 4014/QĐUBND v/v công nhận thay đổi ranh giới thửa đất. Quyết định nêu trên không bị khiếu nại do vậy có hiệu lực thi hành.

Như vậy: Việc UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn H đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18, diện tích đất thổ cư $1.109m^2$, tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào ngày 08/4/1996 là không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, thực tế thửa đất được cấp cho hộ ông H có diện tích $475m^2$ thuộc quyền sử dụng và canh tác của ông V. Điều này, đã được ông H thừa nhận trong quá trình hòa giải. Đồng thời UBND huyện P đã ban hành quyết định số 4014/QĐ – UBND có hiệu lực thi hành.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông V, V/v đề nghị Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích $475m^2$ tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18 của UBND thị xã T (nay là UBND huyện P) cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H là có cơ sở đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T là không có căn cứ được chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và kháng cáo của ông Nguyễn V; kháng cáo của bà Huỳnh Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Tấn H là không đúng diện tích đất, chồng lấn lên phần diện tích đất của hộ ông V đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận trong bản án tại phần nhận định của bản án; dựa vào cơ sở hòa giải giữa các bên là căn cứ ban hành quyết định 4014 (*Tại báo cáo kết luận thanh tra số 28/BC – TT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thanh tra huyện P cũng khẳng định việc cấp GCNQSD đất cho ông H là không đúng*). Như vậy Quyết định số 4014/QĐ – UBND ngày 11/10/2016 của UBND huyện P là đúng pháp luật vì đã được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 Luật đất đai năm 2013. Vì thế Quyết định số 1808/QĐ – UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P ban hành để hủy bỏ quyết định 4014/QĐ – UBND ngày 11/10/2016 của UBND huyện P là không đúng các quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ –CP của Chính phủ.

Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HCST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên hủy GCNQSD đất cấp cho hộ ông H vào ngày 08/4/1996 mà không tuyên hủy Quyết định số 1808/QĐ – UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P là thiếu sót; bởi lẽ căn cứ để hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông H và cấp lại GCNQSD đất là Quyết định số 4014/QĐ – UBND ngày 11/10/2016 về công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất trong quá trình giải quyết hòa giải về tranh chấp đất đai được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên. Ông V khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 1808/QĐ – UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm cho rằng: “*Do thời gian thỏa thuận đã lâu hơn nữa đương sự không chấp hành nên UBND huyện P ban hành quyết định 1808/QĐUBND ngày 23/5/2018.*” là không đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên, xét thấy đơn kháng cáo của ông Nguyễn V và kháng nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận, đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T không được chấp nhận. Đơn kháng cáo và ý kiến của bà T cho rằng việc khởi kiện hủy GCNQSD đất là đã hết thời hiệu khởi kiện; xét thấy ý kiến này của bà T là không có căn cứ bởi lẽ: Ông V khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 1808/QĐ – UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, do quyết định này có liên quan đến GCNQSD đất nên Tòa án khi xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, thì cũng có quyền xem xét tính hợp pháp của GCNQSD đất.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn V không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được miễn nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị T.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn V và quyết định kháng nghị số: 32/2019/QĐKN – HC – VC2 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng.

Sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2019/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai, Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V.

Hủy Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 18 của UBND thị xã T (nay là UBND huyện P) cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H ngày 08/4/1996.

Buộc UBND huyện P cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai cho các đương sự.

Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành